TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/HS-ST
Ngày 09-4-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Kiên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Hải;

Ông Bùi Văn Khương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Kiều Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2021/TLST-HS, ngày 22 tháng 02 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐXXST-HS, ngày 23 tháng 3 năm 2021, đối với bị cáo:

TBL, sinh ngày 18 tháng 6 năm 1991 tại Hải Phòng; ĐKNKTT: Số nhà 22/42 đường A, phường A, quận B, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông C và bà D; có vợ là E, có một con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 56/HSST ngày 25-8-2008 Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng và Bản án Hình sự phúc thẩm số 153/2008/HSPT ngày 17-11-2008 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 06 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Bản án số 176/2009/HSST ngày 22-9-2009 Tòa án nhân dân quận Lê Chân xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tổng hợp với Bản án số 153/2008/HSPT ngày 17-11-2008 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng là 06 tháng tù. Hình phạt chung của hai bản án là 21 tháng tù; Bản án số 15/2012/HSST ngày 03-4-2012 của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng xử phạt 42 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; bị tạm giữ ngày 28-10-2020, tạm giam từ ngày 04-11-2020; có mặt.

- Bị hại:

+Anh BH1, sinh năm 1990; địa chỉ: Khu dân cư F, xã G, huyện H, tỉnh Hải Dương; có mặt.

+ Chị BH2, sinh năm 1995; địa chỉ: Số 7/59, I, phường A, quận B, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Anh NLQ1, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn J, xã K, huyện H, tỉnh Hải Dương; có mặt.

+ Bà NLQ2, sinh năm 1967; địa chỉ: Số nhà 49D, L, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11-6-2020, chị BH2 (địa chỉ: Số 7/59 I, phường A, quận B) điều khiển xe môtô biển kiểm soát 34D1-427.73 của bạn trai là anh BH1 (địa chỉ: khu dân cư F, phường G, thị xã H, tỉnh Hải Dương) do vi phạm giao thông nên bị Cảnh sát giao thông tạm giữ xe mô tô. Đến 14 giờ ngày 17-6-2020, TBL là bạn của chị BH2 biết chị BH2 đang cần tiền để nộp phạt lấy xe mô tô nên đã nảy sinh ý định lừa tiền của chị BH2, TBL nói dối chị BH2 là mình cũng bị Cảnh sát giao thông Công an quận Ngô Quyền giữ xe mô tô và bảo chị BH2 cho mượn số tiền 1.500.000 *(một triệu năm trăm nghìn)* đồng để đi nộp phạt, sau đó TBL sẽ cầm xe của TBL để lấy tiền cho BH2 mượn. Tưởng thật nên chị BH2 đã cho TBL mượn số tiền 1.300.000 *(một triệu ba trăm nghìn)* đồng. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày TBL quay lại gặp chị BH2 ở khu vực mom O, phường P, quận B và thấy anh BH1 cùng chiếc xe mô tô biển kiểm soát 34D1-432.13 (chiếc xe này anh BH1 mượn của anh NLQ1, trú tại: Thôn J, phường K, thị xã H, tỉnh Hải Dương) nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe trên, TBL tiếp tục nói dối chị BH2 và anh BH1 hỏi mượn xe mô tô để đi lấy tiền về đưa cho chị BH2 mượn. Chị BH2 và anh BH1 đồng ý đưa xe mô tô cho TBL mượn. Sau khi có được xe của anh BH1, TBL đã đi cầm cố được tổng số tiền là 32.000.000 *(ba mươi hai triệu)* đồng cho NLQ2 tại quán cầm đồ của anh Nguyễn Văn Dũng ở số 49D, L, M, N, rồi bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 25-6-2020 và ngày 26-6-2020 anh BH1 và chị BH2 đã đến Công an trình báo. Ngày 27-10-2020 TBL đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng đầu thú.

Tại kết luận định giá tài sản số 17/ĐTTS-HĐĐG ngày 28-7-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân quận B kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA AIRBLADE biển kiểm soát 34D1-432.13 đã qua sử dụng có giá trị 40.000.000 *(bốn mươi triệu)* đồng.

Về vật chứng: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 34D1-432.13 hiện chưa thu hồi được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng đã gửi thông báo truy tìm đối với chiếc xe mô tô trên.

Về trách nhiệm dân sự: Anh BH1 yêu cầu TBL phải bồi thường bằng giá trị tương ứng của chiếc xe mô tô biển kiểm soát 34D1-432.13; chị BH2 yêu cầu TBL bồi thường số tiền 1.300.000 *(một triệu ba trăm nghìn)* đồng.

Tại phiên tòa bị cáo TBL đã khai nhận toàn bộ nội dung hành vi gian dối để chiếm đoạt của chị BH2 số tiền 1.300.000 *(một triệu ba trăm nghìn)* đồng và anh BH1 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 34D1-432.13 đã qua sử dụng có giá trị

40.000.000 *(bốn mươi triệu)* đồng. Tổng giá trị tài sản mà TBL đã chiếm đoạt là 41.300.000 *(bốn mươi mốt triệu ba trăm nghìn)* đồng vào thời gian và địa điểm như nội dung Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng đã truy tố.

Cáo trạng số: 21/CT-VKSHB ngày 22-02-2021, của Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng đã quyết định truy tố bị cáo TBL về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo TBL về tội danh và điều luật như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; tuyên phạt bị cáo TBL từ 30 đến 36 tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 28-10-2020.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo và buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo TBL phải có trách nhiệm bồi thường cho anh BH1 trị giá chiếc xe mô tô biển kiểm soát 34D1-432.13 đã qua sử dụng có giá trị 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng và bồi thường cho chị BH2 số tiền 1.300.000 đồng.

Đối với người phụ nữ tên NLQ2 có nhận cầm cố chiếc xe môtô Biển kiểm soát 34D1-432.13 của TBL nhưng chị NLQ2 không biết đây là tài sản do TBL phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng không xử lý.

Nội dung lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ về hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Hồng Bàng, Điều tra viên được phân công điều tra vụ án, Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, Kiểm sát viên được phân công kiểm sát điều tra và kiểm sát xét xử, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện, tuân thủ đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử vụ án đều hợp pháp.

- Về tội danh và áp dụng hình phạt:

[2] Chứng cứ xác định bị cáo có tội: Tại phiên tòa, bị cáo TBL đã khai nhận về hành vi gian dối để chiếm đoạt của chị BH2 số tiền 1.300.000 (một triệu ba trăm nghìn) đồng và chiếm đoạt của anh BH1 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 34D1-432.13 có giá trị 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng. Tổng giá trị tài sản mà TBL đã chiếm đoạt là 41.300.000 (bốn mươi mốt triệu ba trăm nghìn) đồng vào thời gian và địa điểm như nội dung Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng đã truy tố.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo TBL đã phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[4] Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tính nguy hiểm do hành vi của mình gây ra những vẫn thực hiện hành vi nêu trên với lỗi cố ý trực tiếp.

[5] Nhân thân của bị cáo đã có ba tiền án đều đã được xóa án nên hành vi phạm tội lần này của bị cáo cần phải xử lý nghiêm, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Sau khi phạm tội bị cáo đã đến đầu thú tại Công an quận Hồng Bàng nên cần xem xét cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Xét bị cáo là người không có việc làm và thu nhập ổn định và không xác định được bị cáo có tài sản riêng nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại là anh BH1 yêu cầu bị cáo phải bồi thường trị giá chiếc xe mô tô đã bị chiếm đoạt với số tiền là 40.000.000 đồng; chị BH2 yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 1.300.000 đồng. Bị cáo TBL nêu ý kiến đồng ý nhận bồi thường số tiền trên đúng như yêu cầu của người bị hại.

[10] Xét yêu cầu bồi thường của các bị hại và ý kiến chấp nhận bồi thường của bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật và phù hợp với thực tế nên cần buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại là phù hợp với quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự và các điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự.

[11] Đối với việc anh NLQ1 cho anh BH1 mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 34D1-432.13 và sau đó anh BH1 đã bị bị cáo TBL chiếm đoạt chiếc xe như

nội dung nêu trên; tại phiên tòa anh NLQ1 trình bày giữa anh NLQ1 và anh BH1 đã tự thỏa thuận việc bồi thường trị giá chiếc xe trên cho nhau và anh NLQ1 không đề nghị Hội đồng xét xử phải xem xét, giải quyết gì về vấn đề này nội Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[12] Đối với chị NLQ2 có nhận cầm cố cho TBL chiếc xe môtô biển kiểm soát 34D1-432.13 nhưng chị NLQ2 không biết đây là tài sản do TBL phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng không xử lý.

[13] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo TBL 30 (ba mươi) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 28-10-2020.

Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự và các điều 584, 585, 586, và 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo TBL phải bồi thường cho anh BH1 trị giá chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA AIRBLADE biển kiểm soát 34D1-432.13 với số tiền là 40.000.000 *(bốn mươi triệu)* đồng và bồi thường cho chị BH2 số tiền 1.300.000 *(một triệu ba trăm nghìn)* đồng.

Kể từ khi bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, bị cáo phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự đối với khoản tiền chậm thi hành án, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo TBL phải chịu 200.000 *(hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.065.000 *(hai triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Công an thành phố Hải Phòng;
- CQĐT - Công an quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- Sở Tư pháp Hải Phòng;
- Trại tạm giam Công an TP. Hải Phòng;
- Bị cáo; bị hại; người liên quan;
- Lưu: HS, VT.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quang Kiên